

## Quan niệm của Marx và các nhà xã hội học phương Tây về phân tầng xã hội

NGUYỄN ĐÌNH TẤN  
LÊ VĂN TOÀN

### 1. Quan niệm của Marx về phân tầng xã hội

Tony Bilton và cộng sự - tác giả của cuốn sách *Nhập môn xã hội học* cho rằng, bất kỳ một lý thuyết phân tầng nào cũng đều bằng cách này, cách khác vay mượn cách lý giải của Marx về giai cấp, ngay cả khi nhà xã hội học đó kết thúc bằng cách bài bác Marx...<sup>1</sup> Cùng với Tony Bilton, nhiều nhà xã hội khác cũng cho rằng, có thể coi luận điểm của Marx về giai cấp như là luận điểm "gốc" cho các nhà xã hội học dựa vào đó hoặc xoay quanh đó để phân tích. Mặt khác, cũng có thể hiểu sự lý giải của Marx về giai cấp như là một dạng lý giải riêng, độc đáo về phân tầng xã hội. Theo sự phân tích của Marx, sự tồn tại của chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, kéo theo đó là sự phân phối bất bình đẳng về của cải vật chất, sản phẩm lao động trong xã hội là nét chung, phổ biến của mọi xã hội có giai cấp, là yếu tố thường xuyên, trực tiếp dẫn đến phân tầng xã hội, phân hóa xã hội. Kết cục của nó là sự hình thành các mô hình giai cấp đối kháng chủ yếu trong xã hội - giai cấp người giàu thống trị, bóc lột và giai cấp người nghèo, bị trị, bị bóc lột.

Cũng theo tuyến phân tích như vậy, ông cho rằng, mối quan hệ quyền lực được xây dựng trên cơ sở của cơ cấu xã hội mà nét chính là sự tồn tại của những giai cấp đối lập. Cơ cấu quyền lực trong các xã hội có đối kháng giai cấp bị quy định bởi cơ cấu giai cấp, cơ cấu kinh tế, mà trung tâm của nó là các quan hệ sở hữu. Theo Marx, sự phát triển của sản xuất, chế độ sở hữu đã dẫn đến những mâu thuẫn trong kết cấu kinh tế (mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất tiến bộ ngày càng được xã hội hóa với sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa). Biểu hiện về mặt xã hội của nó là sự bất bình đẳng về địa vị xã hội và quyền lực.

Giai cấp thống trị nắm được tư liệu sản xuất, sẽ nắm luôn quyền lực tổ chức sản xuất, phân phối sản phẩm và thống trị các giai cấp khác về mặt chính trị và tinh

<sup>1</sup> Tony Bilton, Kenvin Bonnett, Philip Jones, Ken Sheard, Michelle Stanworth và Andrew Webster: *Nhập môn xã hội học*. Phạm Thủy Ba dịch. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội - 1993. Tr. 56-57.

thần. Những quan hệ kinh tế cơ bản "nhào nặn" các khía cạnh khác của cấu trúc xã hội. Nhà nước, pháp luật, chính trị, tôn giáo đều phản ánh và biện minh cho những quan hệ kinh tế cơ bản.

Với một cấu trúc bất bình đẳng về mặt kinh tế trong xã hội có đối kháng giai cấp, thì việc nảy sinh quyền lực thống trị (giữa kẻ thống trị và bị trị là một tất yếu) không thể khác phục được và nhóm xã hội nào có đặc quyền nhất trong cơ cấu kinh tế - xã hội thì cũng là nhóm có quyền lực chính trị, có ảnh hưởng và sức mạnh chi phối nhất đến các giai cấp khác.

Theo sự phân tích trên của Marx, cơ cấu xã hội chủ yếu được xem xét theo một "trục đứng" tức là quyền lực chính trị phụ thuộc trực tiếp vào quyền lực kinh tế; Giai cấp nào nắm vị trí chủ đạo trong kinh tế thì giai cấp đó sẽ nắm được quyền lực chính trị và có khả năng chi phối các giai cấp khác về mặt tư tưởng, tinh thần.

Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, "quyền sở hữu tư nhân về tài sản nói chung về tư liệu xã hội nói riêng được coi là quyền bất khả xâm phạm". Giai cấp tư sản thống trị luôn tìm mọi cách để hợp pháp hóa, thể chế hóa quyền sở hữu này thành các quy tắc, văn bản pháp luật nhằm duy trì, bảo vệ và kế thừa cấu trúc bất bình đẳng về mặt kinh tế, chính trị và địa vị xã hội có lợi cho mình. Tuy nhiên, theo sự phân tích của Marx, do mâu thuẫn nội tại trong lòng xã hội tư bản là có tính chất đối kháng và không thể dung hòa được, bởi vậy nó luôn chứa đựng tiềm tàng cuộc đấu tranh chống đối của giai cấp vô sản đối với giai cấp tư sản nhằm tạo ra sự biến đổi cách mạng và tiến bộ xã hội.

Cũng theo Marx, khi cuộc cách mạng cộng sản chủ nghĩa đã giành thắng lợi trên phạm vi toàn thế giới, xã hội sẽ được xây dựng thành một liên hiệp của những người sản xuất tự do. Trong xã hội này sẽ không còn nhà nước, nền chuyên chính, sự tồn tại của các giai cấp, không còn cấu trúc bất bình đẳng xã hội, sự thống trị xã hội và áp bức xã hội. Ở đây, con người sẽ được phát triển toàn diện, có cuộc sống hài hòa, phong phú, lao động tự do, sáng tạo, làm chủ được tự nhiên và vận mệnh của mình.

Như vậy, theo sự phân tích của Marx, *nhà nước, giai cấp, sự đối kháng giai cấp, bất bình đẳng giai cấp - nét cốt yếu nhất của cấu trúc bất bình đẳng xã hội chỉ là một phạm trù lịch sử*. Nó sẽ mất đi, khi xã hội cộng sản chủ nghĩa xây dựng thành công trên phạm vi toàn thế giới. Đây chính là điểm riêng, độc đáo của học thuyết Marx về xã hội nói chung, cũng như sự kiến giải của ông về phân tầng xã hội nói riêng.

Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng, trong khi nhấn mạnh yếu tố sở hữu, coi sở hữu như là dấu hiệu cơ bản nhất để xem xét và sắp xếp các cá nhân vào các tầng xã hội khác nhau - từ đó nhìn nhận cấu trúc xã hội như là một cấu trúc tầng bậc gồm hai tầng chính cơ bản đối lập với nhau, khác biệt nhau và được phân biệt với nhau chủ yếu ở dấu hiệu sở hữu thì Marx cũng không chỉ giới hạn ở sự phân tích này.

Bên cạnh các bậc thang đẳng cấp là sự phân chia giản đơn những người lao động thành những người lao động thành thạo và những người lao động không thành

thạo, Marx cũng đồng thời lưu ý phân tích những khác biệt giữa lao động trí óc và lao động chân tay, giữa lao động công nghiệp với lao động nông nghiệp, thương nghiệp... Ngoài sự phân tích những khác biệt cơ bản giữa hai giai cấp tư sản và vô sản, Marx còn phân tích những khác biệt giữa giai cấp địa chủ với giai cấp nông dân, tầng lớp tăng lữ, tầng lớp trí thức... Trong bản thân giai cấp công nhân, Marx cũng chia ra các bộ phận: giai cấp vô sản đại công nghiệp, những người công nhân làm việc trong các nhà xưởng nhỏ, tầng lớp vô sản lưu manh...

Cũng trên cơ sở của sự phân tích như vậy, Marx đã hết sức chú trọng phân tích đến tính cơ động xã hội<sup>2</sup> - một đặc trưng quan trọng gắn chặt với những động thái và phương thức tạo ra sự biến đổi trong nội bộ của những cơ cấu xã hội hiện thực (như chuyển dịch xã hội từ nghề này sang nghề khác, hay chuyển từ những việc có trình độ kỹ năng thấp lên những công việc có trình độ, chuyên môn, kỹ năng cao hơn). Đặc biệt là sự phân tích những chuyển dịch xã hội từ khu vực lao động nông nghiệp sang công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ, từ nông thôn sang đô thị (dưới tác động của công nghiệp hóa - đô thị hóa) và sự chuyển dịch từ tầng lớp lao động lên tầng lớp trung lưu dưới, từ trung lưu dưới lên trung lưu trên và ngược lại.

## 2. Quan niệm của các nhà xã hội học phương Tây về phân tầng xã hội

Cùng với quan niệm của Marx về phân tầng xã hội như đã được trình bày ở trên, nhiều nhà xã hội học phương Tây khác cũng đề cập đến khái niệm này theo những cách khác nhau.

Có thể kể tên một số các nhà xã hội học sau: Max Weber, P.A.Sorokhin, T. Parsons, N.Smelser, B. Barber, S. Lipset, W. Worner, Davis, Moore... Những nhà xã hội học này có thể được xếp vào các nhóm lý thuyết chức năng, thuyết xung đột và thuyết dung hòa.

### a. Quan niệm và kiến giải của những người theo thuyết chức năng<sup>3</sup>

Các nhà xã hội học theo thuyết chức năng cho rằng, *phân tầng xã hội và sự bất bình đẳng xã hội là những nét chung thường trực tất yếu không tránh khỏi có tính chức năng tích cực, tồn tại bền vững trong mọi xã hội và cần phải thiết chế hóa nó.*

Talcott Parsons: coi phân tầng xã hội là sự sắp xếp các cá nhân vào trong một hệ thống xã hội trên cơ sở sự phân chia những ngạch bậc và những tiêu chuẩn chung về giá trị, phân tầng là kết quả trực tiếp của sự phân công lao động xã hội và sự phân hóa của những nhóm xã hội khác nhau... Phân tầng xã hội là phương tiện

<sup>2</sup> Tuy Marx không dùng đến từ "*tính cơ động xã hội*" trong các tác phẩm của mình, nhưng qua những phân tích của Marx tự nó đã toát nên những nội dung tư tưởng về tính cơ động xã hội.

<sup>3</sup> Có thể thấy những quan niệm tương đồng với các nhà chức năng luận ở một số nhà xã hội học phương Tây khác như quan niệm của N. Smelsser coi phân tầng xã hội gắn với những biện pháp mà nhờ đó, sự bất bình đẳng được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác; Tony Bilton cho rằng, xã hội được chia thành một cấu trúc theo khuôn mẫu của những nhóm xã hội không bình đẳng và sẽ được duy trì bền vững từ thế hệ này sang thế hệ khác; "Phân tầng xã hội là một cấu trúc bất bình đẳng ổn định giữa các nhóm xã hội bền vững qua các thế hệ"; I. Robertsons: "Phân tầng xã hội là sự bất bình đẳng mang tính cơ cấu của tất cả xã hội loài người".

cần thiết cho mọi hoạt động xã hội và là vật kích thích những cách thức hoạt động khác nhau của các cá nhân và những nhóm xã hội khác nhau<sup>4</sup>.

Davis và Moore: "Sự bất bình đẳng xã hội là một di sản mà nhờ vào đó xã hội bảo đảm những địa vị quan trọng nhất phải do những người có tài năng đảm nhiệm một cách có ý thức. Từ đó mỗi xã hội bất kể nó đơn giản hay phức tạp, phải khiến cho con người khác biệt nhau về uy tín và tín nhiệm và do đó mà phải có một số bất bình đẳng được thể chế hóa"<sup>5</sup>. "Sự phân tầng và sự bất bình đẳng đều có tính chức năng tích cực và không tránh khỏi trong các xã hội loài người bởi vì các xã hội phải làm tròn một số địa vị "chìa khoá" với những người "đứng đắn" và điều này chỉ có thể thực hiện bằng cách trao những phần thưởng không bình thường cho những địa vị đó..."<sup>6</sup>.

"Sự bất bình đẳng là một nét nổi bật của các xã hội loài người trong quá khứ và tiếp tục cứ như thế trong các xã hội hiện nay của phương Đông và phương Tây"<sup>7</sup>.

### **b. Kiến giải của những người theo thuyết xung đột<sup>8</sup>**

Những người theo thuyết xung đột xã hội cho rằng, phân tầng xã hội liên quan trực tiếp đến sự bất bình đẳng trong kinh tế, mà cốt lõi là chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất.

Những người theo thuyết xung đột đã phê phán một cách gay gắt thuyết chức năng về phân tầng xã hội. Theo họ, lập luận của những người theo thuyết chức năng cho rằng phân tầng xã hội là một hiện tượng tích cực, mang tính chức năng và cần thiết cho sự tồn tại của xã hội, thực chất là sự "phản chức năng" (Dysfunctional).

Tunin một đại biểu của thuyết xung đột cho rằng, chính tự thân hệ thống phân tầng đã làm huỷ hoại tài năng to lớn và hạn chế sự phát triển tiềm năng của những thành viên ở tầng lớp bên dưới.

Sự phân phối không đồng đều của cải trong xã hội phân tầng đã khiến cho những kẻ có của, có đặc quyền được hưởng những lợi ích dễ dãi trong giáo dục, để phát triển tài năng trong khi cùng lúc đó lại làm cho những người dưới đáy bị bất lợi. Sự thiết chế hóa chế độ bất bình đẳng đã duy trì trật tự có lợi cho người giàu và chống lại những nghèo. Như vậy, xã hội phân tầng đã không sử dụng hết nguồn tài năng một cách có hiệu quả, đầy đủ. Nó làm hạn chế tự do của tầng lớp bên dưới và làm tích tụ gay gắt thêm những xung đột và bất bình xã hội.

Hơn nữa, trong xã hội phân tầng, một số người nhận được những lợi ích không phải trực tiếp do tài năng hay tầm quan trọng trong chức năng, mà lại chủ

<sup>4</sup> Nguyễn Đình Tấn: *Cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội*. Nxb Lý luận Chính trị. Hà Nội - 2005. Tr. 89-90.

<sup>5</sup> Tony Bilton và cộng sự. *Sđd*. Tr. 61.

<sup>6</sup> Tony Bilton và cộng sự. *Sđd*. Tr. 61 - 62.

<sup>7</sup> Tony Bilton và cộng sự. *Sđd*. Tr. 61.

<sup>8</sup> Nhiều nhà xã hội học phương Tây xếp Marx vào nhóm những người theo thuyết xung đột. (Tác giả xin không bình luận). Để tiện cho sự phân tích trong bài viết này, tác giả tách những người theo thuyết xung đột ra thành một nhóm riêng (không bao hàm Marx) để nghiên cứu. Xem: Günter Endruweit (chủ biên): *Các lý thuyết xã hội học hiện đại*. Nxb Thế giới. Hà Nội - 1999. Tr. 164. Mục: "1.2. Nền tảng kinh điển của thuyết xung đột: Marx, Weber, Simmel".

yếu do dòng dõi. Ở đây sự thừa kế tài sản của dòng dõi để lại những lợi thế về mặt vật chất và xã hội là một trong những nhân tố cốt lõi để duy trì sự bất bình đẳng.

Lý thuyết chức năng cũng sai sót khi “đặt” sự phân tầng có tính tiêu chuẩn và văn hóa trong một cái khung bất bình đẳng vật chất cụ thể. Họ đã không tính tới sự lệ thuộc phổ biến của sự khác biệt về quyền lực, uy tín vào sự bất bình đẳng trong kinh tế đã được thiết chế hóa về mặt pháp luật. Những thứ quyền lực, uy tín đó chỉ có thể có được do thông qua những lớp đào tạo mà chỉ ở những người giàu, “có của” mới có đủ tiền bạc để chi phí và lĩnh hội.

### ***c. Kiến giải của những người theo thuyết dung hòa***

Lenski, một đại biểu của thuyết dung hòa cho rằng, trong xã hội luôn có những động cơ thôi thúc người ta chiếm giữ các vị trí xã hội, đồng thời cũng diễn ra các quá trình mâu thuẫn, xung đột và tranh giành quyền thống trị.

Max Weber đưa ra nguyên tắc nghiên cứu “ba chiều” về phân tầng xã hội. “Ông đã tách một luận điểm về giai cấp thành ba phần riêng biệt, song có quan hệ tác động mật thiết qua lại với nhau. Đó là địa vị kinh tế hay tài sản; địa vị chính trị hay quyền lực, địa vị xã hội hay uy tín”<sup>9</sup>. Max Weber không thừa nhận quan niệm cho rằng chỉ có quan hệ kinh tế là yếu tố duy nhất giải thích cấu trúc xã hội và là động lực đầu tiên của mọi sự thay đổi trong xã hội. Ông cho rằng, những tư tưởng tôn giáo có ảnh hưởng độc lập về mặt lịch sử và lĩnh vực chính trị thường là lực lượng kiểm soát cốt yếu những thay đổi của xã hội. Trong tiểu luận “*giai cấp, địa vị, và đẳng*”, ông cho rằng, bất bình đẳng trong xã hội có thể không dựa trên cơ sở của những quan hệ kinh tế mà trên uy tín hoặc quyền lực chính trị được huy động thông qua một đẳng. Ông lấy ví dụ, đẳng cấp là một hệ thống phân tầng xã hội phản ánh một xã hội bất bình đẳng không phải trực tiếp dựa trên cơ sở kinh tế mà trên những khác biệt đặc biệt về địa vị của những nền tảng và nghi thức tôn giáo.

Max Weber nhấn mạnh, quyền lực kinh tế có thể là kết quả từ sự sở hữu quyền lực trên các nền tảng khác. Địa vị xã hội hay uy tín có thể xuất phát từ quyền lực kinh tế, nhưng đây không phải là trường hợp tất yếu. Ông dẫn ra trường hợp nhà kinh doanh mới giàu lên, song chưa có được sự giáo dục và văn hóa cần thiết để nắm được những địa vị cao. Tương tự như vậy, địa vị cao trong kinh tế có thể được tạo nên trên cơ sở của quyền lực chính trị.

Cả Marx và Weber đều giống nhau là ở chỗ, các ông đánh giá những nét kinh tế chủ yếu của hệ thống phân tầng xã hội trong chủ nghĩa tư bản là quyền sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất và những thị trường cho hàng hóa và lao động. Song sự khác biệt cốt yếu giữa Marx và Weber là ở chỗ: Marx nhấn mạnh yếu tố thứ nhất và hướng sự nghiên cứu vào con đường xóa bỏ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Còn Weber lại hướng trọng tâm vào yếu tố thị trường và cho rằng nguyên nhân đầu tiên của sự bất bình đẳng trong chủ nghĩa tư bản là khả năng thị trường, tức là những kỹ năng mà người làm thuê mang ra thị trường lao

<sup>9</sup> Ian Robertson: *Sociology*. Third Edition. Worth. 1987. Tr. 260.

động để bán và người chủ sẽ là người mua. Weber cũng nói đến cơ may đời sống tức là những lợi thế mà người ta có thể có được do thị trường mang lại. Những cơ may này bao gồm thu nhập, phụ cấp, bảo hiểm và có thể thấy được ở các giai cấp khác nhau cũng như ở chính trong nội bộ của mỗi giai cấp.

Những sự phân tích trên của Weber trên thực tế không có gì đối lập với quan niệm của Marx về giai cấp. Tuy nhiên, sự phân tích này chưa nhấn mạnh một cách thích đáng đến yếu tố sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Rõ ràng rằng nếu phân tích đến cùng thì yếu tố sở hữu về tư liệu sản xuất chính là nhân tố cốt lõi nhất của vấn đề tài sản trong địa vị kinh tế của một giai cấp nhất định.

Song mặt khác cũng phải thấy rằng, sự phân tích của Max Weber có tính mềm dẻo, nhiều chiều, uyển chuyển và trong thực tế đó là quan niệm có thể bổ sung cho lý luận của Marx về giai cấp xã hội.

Trên đây là một số nét khái quát chủ yếu về sự khác biệt trong quan niệm của Marx và các nhà xã hội học phương Tây khác về phân tầng xã hội. Điều mấu chốt là ở chỗ, chúng ta cần phải khẳng định rằng, nếu không có những tư tưởng nền tảng của học thuyết Marx nói chung, về lý thuyết phân tầng xã hội nói riêng, chúng ta sẽ thiếu những cơ sở gốc vững chắc, tin cậy cho mọi sự nghiên cứu. Nhưng mặt khác, nếu chúng ta không biết cẩn trọng tuyển lựa, tiếp thu một cách có phê phán những hạt nhân hợp lý của các nhà xã hội học phương Tây khác về phân tầng xã hội, bổ sung phát triển và vận dụng sáng tạo cho những quan niệm của Marx vào cuộc sống đang biến đổi thì chúng ta đã tự xa rời Marx.

Đúng như lời chỉ dẫn của V.I. Lênin: “Chúng ta không hề coi lý luận của Marx như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống”<sup>10</sup>.

### Tài liệu tham khảo

1. Tony Bilton, Kenvin Bonnett, Philip Jones, Ken Sheard, Michelle Stanworth và Andrew Webstet: *Nhập môn xã hội học*. Phạm Thủy Ba dịch. Nxb Khoa học xã hội. Hà Nội - 1993.
2. Günter Endruweit, Hansjurger Daheim, Bernhard Giesen và Karlheinz Messelken: *Các lý thuyết xã hội học hiện đại*. Nxb Thế giới. Hà Nội - 1999.
3. V.I. Lênin: *Toàn tập*. Tập 4. Nxb Tiến bộ Mátxcova - 1974.
4. C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Tuyển tập*. Tập 2 (tiếng Nga). 1961.
5. C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Toàn tập*. Tập 42. Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật. Hà Nội - 1995.
6. Ph. Ăng-ghe-n: *Những nguyên lý của Chủ nghĩa cộng sản*. Nxb Sự thật. Hà Nội - 1975.
7. Ian RoBertson: *Sociology*. Third Edition. Worth. 1987.
8. Nguyễn Đình Tấn: *Cơ cấu xã hội và phân tầng xã hội*. Nxb Lý luận Chính trị. Hà Nội - 2005.

<sup>10</sup> V.I. Lênin: *Toàn tập*. Tập 4. Nxb Tiến bộ Mátxcova - 1974. Tr. 232.